TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/DS - PT

Ngày 29 - 11 - 2017

V/v "Tranh chấp Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Khoa

Các Thẩm phán: Ông Phùng Chí Thiện

Bà Lù Làn Din

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên. Vắng mặt tại phiên tòa

Ngày 29/11/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2017/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2017 về *"Tranh chấp Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"* do bản án dân sự số 04/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện B bị bị đơn anh Nguyễn Thành L kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2017/QĐ-PT ngày 10/11/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T - Sinh năm: 1929;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành L - Sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ 08, phường V, quận L, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Thành L1 – Sinh năm 1989. Có mặt tại phiên tòa.

- Ông Nguyễn Đăng Đ – Sinh năm 1930. Có mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

- Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc T – Chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Thành L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày:

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đăng Đ là vợ chồng, có khối tài sản chung là 2.188m^2 đất, gồm 760m^2 đất ruộng lúa, 128m^2 đất ở nông thôn và 1300m^2 đất vườn tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai, đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B, tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 599563 ngày 18/12/1998 mang tên hộ ông Nguyễn Đăng Đ. Năm 2010 ông Nguyễn Đăng Đ đã tự ý làm thủ tục tặng cho toàn bộ tài sản là quyền sử dụng 2.188m^2 đất trên cho cháu nội là anh Nguyễn Thành L mà không nói gì cho bà Trần Thị T biết, mọi thủ tục tặng cho nhà đất do ông Nguyễn Đăng Đ và anh Nguyễn Thành L tự làm. Trong biên bản họp gia đình và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất bà Trần Thị T không được biết và không được ký. Đến năm 2016 anh Nguyễn Thành L chuyển về Hà Nội sinh sống và đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng 2.188m^2 đất cho em trai là anh Nguyễn Thành L1. Bà Trần Thị T cho rằng việc ông Nguyễn Đăng Đ lập hợp đồng tặng cho nhà đất là tài sản chung của bà và ông Nguyễn Đăng Đ cho anh Nguyễn Thành L mà không được sự đồng ý của bà là trái pháp luật. Vì vậy, bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 59/HĐTC-QSDĐ ngày 23/9/2010 giữa ông Nguyễn Đăng Đ với anh Nguyễn Thành L. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị T có thay đổi yêu cầu trong đơn khởi kiện với nội dung bà Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu (Trả lại quyền sử dụng đất) vì hiện nay nhà đất bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đăng Đ vẫn đang quản lý và sử dụng đất từ trước đến nay.

Trong các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn là anh Nguyễn Thành L trình bày: Anh Nguyễn Thành L là cháu nội của ông Nguyễn Đăng Đ bà Trần Thị T. Anh Nguyễn Thành L thừa nhận các thửa đất có diện tích là 2.188m^2 mà ông Nguyễn Đăng Đ và bà Trần Thị T tặng cho anh có nguồn gốc là tài sản chung của ông Nguyễn Đăng Đ và bà Trần Thị T. Mục đích ông Nguyễn Đăng Đ và bà Trần Thị T tặng cho nhà đất là để sau này anh Nguyễn Thành L ở cùng chăm sóc ông bà và thờ cúng. Sau khi được ông Nguyễn Đăng Đ và bà Trần Thị Ttặng cho quyền sử dụng 2.188m^2 đất, ngày 11/10/2010 anh Nguyễn Thành L đã được UBND huyện B, tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2016, do anh Nguyễn Thành L lấy vợ tại Hà Nội và sinh con nhỏ nên không thường xuyên về được, anh đã tặng cho lại toàn bộ quyền sử dụng 2.188m^2 đất nhận tặng cho của ông Nguyễn

Đăng Đ và bà Trần Thị T cho em trai là Nguyễn Thành L1 bằng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đã được UBND huyện B, tỉnh Lào Cai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mang tên Nguyễn Thành L1. Hiện nay quyền sử dụng 2.188m^2 đất do anh Nguyễn Thành L1 đứng tên nhưng nhà và toàn bộ quyền sử dụng đất vẫn do ông Nguyễn Đăng Đ và bà Trần Thị T quản lý và sử dụng.

Khi thực hiện thủ tục tặng cho tài sản ông Nguyễn Đăng Đ và bà Trần Thị T đã viết giấy cho tặng quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Thành L được trưởng thôn xác nhận, mọi thủ tục là do ông Nguyễn Đăng Đ tự làm, sau đó ông Nguyễn Thành L2 là bố đẻ của anh Nguyễn Thành L mang ra UBND xã T lập hợp đồng mang về cho anh Nguyễn Thành L và ông Nguyễn Đăng Đ ký vào. Hợp đồng đã được UBND xã T chứng thực. Biên bản họp gia đình anh Nguyễn Thành L và các thành viên không ai có mặt, do ông Nguyễn Đăng Đ tự viết. Chữ ký trong hợp đồng là do ông Nguyễn Đăng Đ ký hộ tên bà nội Trần Thị T, bà T có biết và đồng ý tặng cho nhà đất cho anh Nguyễn Thành L. Nay bà Trần Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 59/HĐTC-QSDĐ ngày 23/9/2010 giữa ông Nguyễn Đăng Đ với anh Nguyễn Thành L, bị đơn anh Nguyễn Thành L không nhất trí vì ông Nguyễn Đăng Đ và bà Trần Thị T đã tặng cho anh rồi, Hợp đồng đã được UBND xã T chứng thực. Anh Nguyễn Thành L không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vì anh Nguyễn Thành L xác định không có tài sản gì của anh ở trên đất.

Trong các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đăng Đ trình bày: Ông và bà Trần Thị T là vợ chồng, có khối tài sản chung là 2.188m^2 đất, gồm 760m^2 đất ruộng lúa; 128m^2 đất ở nông thôn và 1300m^2 đất vườn tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai, sử dụng từ năm 1958, ngày 18/12/1998 đã được UBND huyện B, tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 599563 mang tên hộ ông Nguyễn Đăng Đ. Tháng 08/2010 ông Nguyễn Đăng Đ có ý định tặng cho nhà đất cho cháu đích tôn là anh Nguyễn Thành L, nên ông có trao đổi với anh Nguyễn Thành L2 là con trai (*bố đẻ của anh Nguyễn Thành L*) về việc tặng cho nhà đất cho anh Nguyễn Thành L. Ông Nguyễn Đăng Đ đã tự viết giấy tặng cho nhà đất là tài sản chung của ông Nguyễn Đăng Đ và bà Trần Thị T cho cháu Nguyễn Thành Lmà không thông báo cho bà T biết. Việc tặng cho cháu Nguyễn Thành Lnhà đất là ý nguyện của riêng ông Nguyễn Đăng Đ, chữ ký bà Trần Thị T trong biên bản họp gia đình và trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là do ông Nguyễn Đăng Đ viết tên bà Trần Thị T vào đó. Hợp đồng tặng cho nhà đất cho anh Nguyễn Thành L do anh Nguyễn Thành L2 khi đó làm xã đội trưởng mang về cho ông Nguyễn Đăng Đ và cháu Nguyễn Thành L ký. Bà Trần Thị T không hề biết việc lập hợp đồng tặng cho tài sản này. Mục đích của ông Nguyễn Đăng Đ tặng cho anh Nguyễn Thành L vì là cháu đích tôn, để khi về già ông Nguyễn Đăng Đ và bà Trần Thị T sẽ ở cùng cháu, sau khi chết đi anh Nguyễn Thành L sẽ thờ phụng. Đến năm 2016 anh Nguyễn Thành L làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng 2.188m^2 đất cho anh Nguyễn Thành L1 là em trai ruột của anh Nguyễn Thành L, xúc phạm, đuổi ông bà ra khỏi nhà. Bà Trần Thị Tbiết sự việc

đã không đồng ý với việc tặng cho nhà đất cho anh Nguyễn Thành L, nên bà Trần Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 59/HĐTC-QSDĐ ngày 23/9/2010 giữa ông Nguyễn Đăng Đ với cháu Nguyễn Thành L. Quan điểm của ông Nguyễn Đăng Đ, do cháu Nguyễn Thành L không phụng dưỡng, chăm sóc ông bà và còn xúc phạm đến ông bà nên ông Nguyễn Đăng Đ hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T. Ông Nguyễn Đăng Đ không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu (Đòi lại quyền sử dụng đất) vì hiện nay ông Đoan và bà T vẫn đang quản lý và sử dụng toàn bộ nhà và các thửa đất.

Trong các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành L1 trình bày: Anh Nguyễn Thành L1 là cháu nội của ông Nguyễn Đăng Đ bà Trần Thị T. Các thửa đất ông Nguyễn Đăng Đ bà Trần Thị T tặng cho anh Nguyễn Thành L mà hiện nay anh Nguyễn Thành L chuyển nhượng lại cho tôi là Nguyễn Thành L1, nhưng thực chất là thủ tục tặng cho tài sản để anh Nguyễn Thành L1 đứng tên quyền sử dụng 2.188m^2 đất. Ngày 23/9/2016 anh Nguyễn Thành L1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi họp gia đình tặng cho nhà đất cho anh Nguyễn Thành L bà Trần Thị T có đồng ý do không biết chữ bà T đã điểm chỉ (BL 43). Việc tặng cho nhà đất tất cả mọi người cùng biết. Khi làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất không có ai tranh chấp gì. Sau khi nhận quyền sử dụng đất xong anh Nguyễn Thành L đã ở cùng ông bà một thời gian đã làm vườn, xây dựng tường rào. Nhưng do anh Nguyễn Thành L xây dựng gia đình và phải ở cùng vợ tại Hà Nội nên không sống chung cùng ông bà được nên anh Nguyễn Thành L tặng cho lại quyền sử dụng đất cho tôi là Nguyễn Thành L1. Từ khi anh đứng tên quyền sử dụng 2.188m^2 đất cho đến nay anh cũng không sử dụng, không tôn tạo gì trên thửa đất. Nhà đất ông Nguyễn Đăng Đ và bà Trần Thị T vẫn quản lý và sử dụng. Nay bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Đăng Đ và anh Nguyễn Thành L, anh Nguyễn Thành L1 không nhất trí. Anh Nguyễn Thành L1 không đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai trình bày: Về nguồn gốc nhà ở và 2.188m^2 đất, gồm 760m^2 đất ruộng lúa; 128m^2 đất ở; 1300m^2 đất vườn tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai, là tài sản chung của vợ chồng bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đăng Đ sử dụng từ năm 1958. Ngày 18/12/1998 được Uy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N599563 ngày 18/12/1998 mang tên hộ ông Nguyễn Đăng Đ. Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đăng Đ vẫn quản lý và sử dụng nhà ở và 2.188m^2 đất từ đó đến nay. Từ năm 2015 có xảy ra tranh chấp do bà Trần Thị T và các con không đồng ý việc ông Nguyễn Đăng Đ tặng cho nhà và quyền sử dụng đất cho cháu nội là anh Nguyễn Thành L. UBND xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Quan điểm của UBND xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai về tính pháp lý của hợp đồng tặng cho nhà đất giữa ông Đoan và anh L, thủ tục chứng thực hợp đồng tặng cho là không đúng pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đề

nghị cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đăng Đ và bà Trần Thị T.

Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 33; 35 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 122; 127; 128; 137; 138; 219; 722 và Điều 723 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 166, 167 Luật đất đai; Khoản 1, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, b Khoản 3, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T. Tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 59/HĐTC-QSDĐ được xác lập vào ngày 23/9/2010 giữa ông Nguyễn Đăng Đ và anh Nguyễn Thành L về việc tặng cho 2.188m^2 đất, gồm 760m^2 đất ruộng lúa; 128m^2 đất ở nông thôn và 1300m^2 đất vườn tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 10/10/2017, bị đơn anh Nguyễn Thành L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì tòa án thụ lý vụ án khi đơn khởi kiện không đúng quy định của pháp luật; quá trình giải quyết vụ án không giải thích đầy đủ quy định của pháp luật cho bị đơn, không đưa người liên quan tham gia vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị T giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh Nguyễn Thành L giữ nguyên nội dung kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nguồn gốc diện tích đất được thể hiện trong hợp đồng tặng: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự diện tích đất có nguồn gốc là tài sản chung của ông Nguyễn Đăng Đ và bà Trần Thị T đã tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân. Ông Nguyễn Đăng Đ và bà Trần Thị Tđã nhận chuyển nhượng và sử dụng ổn định từ năm 1958 đến nay. Ngày 18/12/1998 Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B, tỉnh Lào Cai đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 599563 mang tên hộ ông Nguyễn Đăng Đ đối với diện tích 2.188m^2, trong đó có 760m^2 đất trồng lúa; 128m^2 đất ở; 1300m^2 đất vườn tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vì vậy diện tích đất mà ông Nguyễn Đăng Đ tặng cho anh Nguyễn Thành L được xác định là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Đăng Đ và bà Trần Thị T.

[2] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Đăng Đ và anh Nguyễn Thành L: Ngày 23/9/2010 ông Nguyễn Đăng Đ đã lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Thành L với nội dung tặng cho anh Nguyễn Thành L toàn bộ diện tích đất 2.188m^2 tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 23/9/2010 thì ông Nguyễn Đăng Đ và bà Trần Thị T đồng ý tặng cho anh Nguyễn Thành L quyền sử dụng đất đối với diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 599563, số vào sổ 01092 do UBND huyện B cấp ngày 18/12/1998 diện tích 2.188m^2, trong đó có 760m^2 đất trồng lúa; 128m^2 đất ở; 1300m^2 đất vườn tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai và cùng ký tên vào hợp đồng. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Đăng Đ và bà Trần Thị Tđều khẳng định việc tặng cho quyền sử dụng diện tích đất trên cho anhNguyễn Thành L là ý chí chủ quan của riêng ông Nguyễn Đăng Đ, còn bàTrần Thị T hoàn toàn không biết, chữ ký của bà T trong hợp đồng là do ông Đoan tự viết và ký còn thực tế bà T không biết chữ. Bị đơn anh Nguyễn Thành L cho rằng việc tặng cho quyền sử dụng đất bà Trần Thị T có biết và nhất trí không có ý kiến gì nhưng không đưa ra được căn cứ gì chứng minh, anh L cũng thừa nhận bà T không biết chữ, chữ ký bà T trên hợp đồng tặng cho là do ông Đoan ký hộ tên bà T, việc lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là do ông Nguyễn Thành L2 là con trai của ông Nguyễn Đăng Đ và là bố đẻ của anh Nguyễn Thành L thực hiện. Hợp đồng mặc dù được ghi là lập tại UBND xã T nhưng ông Lâm là người ra Ủy ban lập hợp đồng sau đó mang về nhà cho ông Đoan và anh Lký tên rồi mới đem ra UBND xã T nhờ ông Nguyễn Huy Hlà Chủ tịch UBND xã chứng thực.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, anh L1 cũng thừa nhận bà T không biết chữ, chữ ký bà T trên hợp đồng tặng cho là do ông Đoan ký hộ bà T (BL43). Vì vậy, bà Trần Thị T yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản giữa ông Nguyễn Đăng Đ và anh Nguyễn Thành Lvô hiệu là có căn cứ.

Về hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu : Theo Biên bản lấy lời khai ngày 24/7/2017, nguyên đơn bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu (BL 36), tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Thành L (Bl39) cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, nên bản án sơ thẩm không xem xétgiải quyết là đúng pháp luật.

[3] Xét việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất được tặng cho của anh Nguyễn Thành L cho anh Nguyễn Thành L1:

Ngày 10/8/2016, anh Nguyễn Thành L đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 89/HĐCN-QSDĐ trong đó anh L chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất được ông Đoan, bà T tặng cho tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai cho anh Nguyễn Thành L1. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND xã T chứng thực. Sau đó anh Nguyễn Thành L1 đã làm thủ tục sang tên và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất ngày 23/9/2016. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của anh Nguyễn Thành L cho anh Nguyễn Thành L1 làkhông đúng pháp luật vìhợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản giữa ông Nguyễn Đăng Đ và anh Nguyễn Thành L vô hiệu nên hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Thành L và anh Nguyễn Thành L1cũng bị vô hiệu. Bản án sơ thẩm đã kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Nguyễn Thành L1 và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đoan bà T là đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Thành L về thủ thục tố tụng của cấp sơ thẩm; Thấy rằng đơn khởi kiện của bà Trần Thị T có hai người làm chứng ký tên là hợp pháp, khi Tòa án lấy lời khai của bà Trần Thị T, bà T cũng xác định nội dung khởi kiện, phạm vi khởi kiện và rút yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị T vẫn xác định nội dung ghi trong đơn khởi kiện là đúng với ý chí của bà nên nội dung kháng cáo này là không phù hợp. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì anh L đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của được sự, tại phiên tòa phúc thẩm anh L cũng thừa nhận anh đã được cấp sở thẩm giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự, các bản tự khai anh L cho rằng anh được thẩm phán đọc cho anh chép lại nhưng anh L cũng khẳng định nội dung các bản tự khai của anh là đung sự thật và đúng với ý chí của anh nên nội dung kháng cáo cho rằng chưa được Tòa án giải thích quyền và nghĩa vụ là không có căn cứ pháp luật nên không được chấp nhận. Đói với nội dung kháng cáo cho rằng tại phiên tòa sơ thẩm ông Đoan và bà T vắng mặt nên đã thiếu người tham gia tố tụng nhưng việc vắng mặt ông Đoan bà T là do ông bà có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy nội dung kháng cáo này của anh L là không có căn cứ pháp luật, nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do anh L thua kiện nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do nội dung kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo anh Nguyễn Thành L phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai như sau:

Căn cứ vào Điều 33; 35 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 122; 127; 128; 137; 138; 219; 722 và Điều 723 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 166, 167 Luật đất đai; Khoản 1, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, b Khoản 3, Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T. Tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 59/HĐTC-QSDĐ được xác lập vào ngày 23/9/2010 giữa ông Nguyễn Đăng Đ và anh Nguyễn Thành L về việc tặng cho 2.188m^2 đất, gồm 760m^2 đất ruộng lúa; 128m^2 đất ở nông thôn và 1300m^2 đất vườn tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Tkhông phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0007259 ngày 12/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai.

Anh Nguyễn Thành L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Thành L phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, xác nhận anh L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AB/2012/0007360 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Hữu Khoa